

VIỆN NHÀ NƯỚC & PHÁP LUẬT
TS. TRẦN VĂN BIÊN



HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

MÃ SỐ: TPC/K - 12 - 23

308-2012/CXB/08-88/TP

TS. TRẦN VĂN BIÊN

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2012**

LỜI GIỚI THIỆU

Bước vào thế kỷ XXI, cuộc cách mạng về công nghệ thông tin đang tiến triển với tốc độ nhảy vọt, trở thành một trong những động lực quan trọng của sự phát triển, làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội trên toàn thế giới. Công nghệ thông tin đã có mặt ở hầu hết các lĩnh vực. Trong lĩnh vực hợp đồng, thông qua phương tiện điện tử, mạng Internet, các chủ thể có thể giao kết hợp đồng mà không cần gặp mặt nhau trực tiếp để đàm phán, thương lượng. Quan hệ hợp đồng điện tử thiết lập qua mạng Internet có nhiều đặc điểm khác biệt. Vì những yếu tố khác biệt đó mà một khuôn khổ pháp lý về hợp đồng điện tử đã dần dần hình thành. Ngày nay, ở nhiều nước trên thế giới, bên cạnh các đạo luật về hợp đồng truyền thống, người ta đã phải sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh những quan hệ hợp đồng được giao kết bằng phương tiện điện tử.

Kể từ năm 2005 đến nay, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc tạo dựng một nền tảng pháp lý cơ bản cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, khởi đầu bằng việc ban hành Luật Giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành sau đó. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng điện tử những năm vừa qua cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cần hoàn thiện. Mặt khác, do đây là vấn đề mới, lại luôn có sự thay đổi và phát triển nhanh do tác động của yếu tố công nghệ, nên có nhiều vấn đề pháp

lý đang và sẽ tiếp tục phát sinh tác động tới mô hình pháp luật điều chỉnh việc giao kết hợp đồng điện tử, đòi hỏi chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật, từ đó thúc đẩy hơn nữa việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hợp đồng điện tử trong giai đoạn tiếp theo cần xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nào? Đây là nhiệm vụ có tính cấp thiết và thời sự đang đặt ra cho các nhà nghiên cứu luật học cần phải làm rõ. Cuốn sách chuyên khảo **"Hợp đồng điện tử theo pháp luật Việt Nam"** của Tiến sỹ Luật học Trần Văn Biên (Viện Nhà nước và Pháp luật) do Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản sẽ phần nào giải mã các câu hỏi nêu trên.

Đây là một công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc và có nhiều đóng góp mới cho sự phát triển của khoa học pháp lý chuyên ngành. Nội dung của cuốn sách chuyên khảo chứa đựng nhiều thông tin, kiến nghị, đề xuất có giá trị tham khảo tốt đối với hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập cũng như hoạt động xây dựng, hoàn thiện và áp dụng pháp luật về hợp đồng nói chung và hợp đồng điện tử nói riêng.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Hà Nội, tháng 3 năm 2012

Nhà xuất bản Tư pháp

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

I. KHÁI NIỆM HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Trong đời sống xã hội nói chung, hoạt động thương mại nói riêng, quan hệ hợp đồng là một quan hệ phổ biến, là công cụ pháp lý chủ yếu để các chủ thể thực hiện giao dịch thoả mãn nhu cầu cuộc sống hàng ngày, cũng như thực hiện các hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận. Trong mối quan hệ này, các bên thoả thuận với nhau về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ nhằm đạt được một mục đích nào đó. Hình thức ghi nhận các thoả thuận này có thể bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải giao kết bằng hình thức nhất định.

- *Giao kết hợp đồng bằng lời nói (bằng miệng)* là phương thức được sử dụng rất phổ biến trong đời sống xã hội. Hình thức này thường được áp dụng đối với các quan hệ hợp đồng mà ngay sau khi giao kết nó sẽ được thực hiện và chấm dứt như mua bán trao tay; hoặc giữa các chủ thể có quan hệ thân thiết, tin cậy, giúp đỡ lẫn nhau như người thân, bạn bè, hàng xóm láng giềng vay tiền, mượn tài sản của nhau; hay các hợp đồng có giá trị nhỏ.

- *Giao kết hợp đồng bằng văn bản* được chia thành 2 loại:

+ *Giao kết hợp đồng bằng văn bản thường*: Trong trường hợp các bên giao kết hợp đồng muốn đảm bảo độ xác thực về những nội dung mà họ đã cam kết, trong các quan hệ hợp đồng có giá trị tài sản lớn hoặc giữa các chủ thể không có mối quan hệ thân thiết hay đối với những hợp đồng mà việc thực hiện không cùng lúc với việc giao kết, thì các bên thường chọn hình thức giao kết hợp đồng bằng văn bản. Trong văn bản đó, các bên ghi nhận đầy đủ những nội dung của hợp đồng đã cam kết và cùng ký tên xác nhận vào văn bản. Hợp đồng thường được lập thành nhiều bản và mỗi bên giữ một bản làm bằng chứng. Căn cứ vào văn bản hợp đồng, các bên dễ dàng thực hiện quyền yêu cầu của mình đối với bên kia. Nếu có tranh chấp xảy ra, hợp đồng được giao kết bằng hình thức văn bản là chứng cứ có giá trị chứng minh cao hơn rất nhiều so với hình thức bằng lời nói.

+ *Giao kết hợp đồng bằng văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, xin phép*: Khi giao kết những hợp đồng có tính chất phức tạp, dễ xảy ra tranh chấp và đối tượng của nó là những tài sản mà Nhà nước cần phải quản lý, kiểm soát khi chúng được dịch chuyển từ chủ thể này sang chủ thể khác (hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất...), thì các bên phải lập thành văn bản có chứng nhận của

cơ quan công chứng, chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoặc phải đăng ký, xin phép. Hợp đồng được lập ra theo hình thức này có giá trị chứng cứ cao. Vì vậy, đối với những hợp đồng mà pháp luật không yêu cầu phải lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực, nhưng để quyền lợi của mình được bảo đảm các bên vẫn có thể chọn hình thức này để giao kết hợp đồng.

- Giao kết hợp đồng bằng hành vi:

Một hợp đồng có thể được thiết lập do ngầm hiểu hành vi. Ví dụ, một khách hàng vào siêu thị chọn một món hàng có niêm yết giá rồi ra bàn thu tiền trả tiền cho nhân viên siêu thị, chẳng ai nói với nhau lời nào cả. Đây là một hợp đồng mua bán đã được xác lập và thực hiện bằng hành vi.

Hợp đồng cũng có thể được xác lập thông qua những hành vi nhất định theo quy ước định trước như mua bán hàng hoá qua các máy bán hàng tự động. Đây là hình thức rất giản tiện trong giao kết hợp đồng.

Để việc giao kết hợp đồng bằng một hành vi nào đó có hiệu lực pháp lý, thì nó phải thoả mãn những yêu cầu chung áp dụng cho một hành vi pháp lý. Điều đó có nghĩa rằng, nó phải là sự biểu hiện ý chí liên quan đến việc gánh chịu, thay đổi hoặc từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ mà những quy định của pháp luật đã gán cho sự thể hiện ý chí này. Bên cạnh đó, đây phải là những hành vi hợp pháp, tức là nó phải phù hợp với quy định, yêu cầu của pháp luật đối với việc giao kết hợp

đồng để có thể thiết lập nên một hợp đồng có hiệu lực và hợp pháp. Những yêu cầu chung áp dụng cho các hành vi pháp lý bao gồm 4 yếu tố: i) Sự thể hiện ý chí, ii) Tuân thủ theo ý chí và sự thể hiện ý chí, iii) Hình thức thể hiện ý chí, và iv) Tính dễ hiểu của sự thể hiện ý chí¹.

Trong quá khứ cũng như hiện tại, các hình thức hợp đồng kể trên là những phương thức giao kết hợp đồng truyền thống khá quen thuộc trong đời sống xã hội. Ngày nay, khi mà người ta ngày càng nói nhiều đến một xã hội mà ở đó các phương tiện điện tử, đặc biệt là Internet, có sức chi phối mạnh mẽ thì những khái niệm mới liên quan đến một xã hội như vậy ngày càng được nhắc đến nhiều hơn. Thậm chí, đã hình thành một nhóm từ với tiền tố “e” (chữ cái đầu của từ tiếng Anh *electronic* - điện tử) để phân biệt những khái niệm trên mạng với các khái niệm truyền thống tương ứng như: e-mail (thư điện tử), e-commerce (thương mại điện tử), e-transaction (giao dịch điện tử), e-banking (ngân hàng điện tử), e-book (sách điện tử), e-money (tiền điện tử), e-market (chợ điện tử), e-shop (cửa hàng điện tử), e-news (báo điện tử)... và e-contract (hợp đồng điện tử).

Trong hơn một thập niên gần đây, sự phát triển của công nghệ thông tin, nhất là mạng Internet toàn cầu đem lại cho chúng ta một phương thức giao dịch mới, đó là giao dịch điện

¹ Vučka - Zbyněk Loeb, *Electronic Contract Law*, <http://gsulaw.gsu.edu/lawand/papers>.